

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/HS-ST.

Ngày: 30/11/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thúy Kiên

2. Bà Thái Ánh Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tp Cần Thơ và Điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 70/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1964; đăng ký thường trú: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (chết) và bà Đinh Thị Q (chết); Con: 01 người, sinh năm: 1996; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 11/12/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ xử phạt 42 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2004, theo Giấy chứng nhận số 16/GCN ngày 30/4/2004 (đã xóa án tích); Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 6/5/2023 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an quận T. (có mặt).

2. Trần Nguyên B1, sinh năm 1990; đăng ký thường trú: ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm 1960 và bà Trương Thị Kim A, sinh năm 1962; C sống như vợ chồng với Huỳnh Thị H1, sinh năm 1994; Con: 02 người, lớn, sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; Tiền sự: 01 lần. Vào ngày 17/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ ra Quyết định

áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 16 tháng, chấp hành xong ngày 18/02/2022. Nhân thân: Ngày 18/12/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 11 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2016, theo Giấy chứng nhận số 346/GCN của Trại giam C2 (đã xóa án tích); Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã vào ngày 13/8/2023 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an quận T. (có mặt).

3. Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1992; đăng ký thường trú: khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và bà Trần Thị M, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị Ánh M1, sinh năm: 1996; Con có 02 người, lớn sinh năm: 2018, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 18/02/2023 đến ngày 16/4/2023 tại khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Đến ngày 17/4/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 12/5/2023 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an quận T (có mặt).

- *Người bị hại:* Cháu Đỗ Hữu L, sinh năm 2012. Người giám hộ cho Đỗ Hữu L: Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1973. Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm: 2000. Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Lê Thanh H2, sinh năm 1996. Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/10/2022, Trần Nguyên B1 đến nhà Lê Thanh H2 thuộc khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ tìm H2 đòi nợ nhưng không gặp H2 mà gặp Lê Thị Cẩm H (mẹ của H2). Biết được việc H2 có nợ B1 nên H nảy sinh ý định chỉ Bảo lấy xe mô tô của bà Nguyễn Thị C1 ngụ cùng khu vực do biết bà C1 có một xe mô tô biển kiểm soát 65F1-699.57 nên H nói với B1: “Hôm nào lên, bà chỉ cho B1 lấy xe của người khác bán lấy tiền tiêu xài”.

Đến khoảng 11 giờ 30 ngày 16/10/2022, B1 rủ Nguyễn Hoàng T trộm xe bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 83F3 - 7973 chở B1 từ phường L, quận Ô đến nhà bị cáo H để H dẫn đến chỗ có tài sản

để chỉ cho B1 trộm. Khi đến nhà H, T điều khiển xe ra phía sau nhà H, còn B1 được H dẫn đến trước nhà bà C1 và chỉ cho B1 thấy ngoài sân nhà bà C1 có một xe mô tô hiệu Vision biển kiểm soát số 65F1 - 699.57 đang đậu, H nói với B1: “Trong nhà bà C1 chỉ có cháu bà C1 là Đỗ Hữu L không có người lớn, đi vào nhà gặp L nói: Bà ngoại nhờ chú về lấy xe đưa cho bà ngoại đi mua cua về cho con ăn”. Sau đó, H và B1 quay lại nhà của H, B1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 83F3 – 7973 chở T đi lại nhà bà C1. Trên đường đi, B1 nói với T theo hướng dẫn của H lừa lấy xe mô tô hiệu Vision biển kiểm soát số 65F1 - 699.57. Khi đến nhà bà C1, B1 dừng xe đứng đợi còn T đi vào trong nhà gặp Đỗ Hữu L, nói: “bà ngoại nhờ chú về lấy xe đưa cho bà ngoại đi mua cua về cho con ăn”, L đưa chìa khoá xe cho T. Sau khi lấy được chìa khoá, T mở khoá xe mô tô biển kiểm soát 65F1 - 699.57 và điều khiển xe về nhà ở Ô cát giầu. Khi phát hiện bị mất xe mô tô bà C1 đến Công an phường T trình báo vụ việc và báo cho Nguyễn Thị Mỹ T2 (con ruột bà C1) biết sự việc, bà T2 liên hệ với H2 (con H) nhờ tìm lại xe. Lúc này, H nói cho H2 biết về việc H chỉ cho B1 và T lấy xe mô tô của bà C1 nên H2 liên lạc với B1 và T. Đến khoảng 23 giờ ngày 17/10/2022, T cùng với H2 mang trả xe mô tô biển kiểm soát số 65F1 – 699.57 cho bà C1.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an quận T tiến hành xác minh và mời B1, T và H làm việc, tất cả đều thừa nhận hành vi phạm tội. Đồng thời, B1 tự nguyện giao nộp: 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc ô vuông màu xanh lá cây – xám và 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có kết; T giao nộp 01 (một) xe mô tô, biển số: 83F3 – 7973 và Chúc giao nộp 01 (một) xe mô tô hiệu Vision biển số: 65F1 – 699.57. Tuy nhiên, sau đó Trần Nguyên B1 bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã, đến ngày 13/8/2023 B1 bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/BKL-HĐĐGTS ngày 17/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ, kết luận: xe máy nhãn hiệu Honda số loại Vision màu xanh đen vàng biển số: 65F1 – 699.57, đã qua sử dụng, với giá trị là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ truy tố các bị cáo Lê Thị Cẩm Hoa, Trần Nguyên B1 và Nguyễn Hoàng T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây được gọi là Bộ luật hình sự).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa B1, T và H thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối với bị cáo H quá trình điều tra qua đối chất không thừa nhận việc có hướng dẫn cho B1 biết cách thức nói để lừa cháu L đưa chìa khoá xe cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo cho rằng ngày xảy ra sự việc phạm tội do bị cáo đi đám có uống rượu nên cũng không nhớ rõ có hướng dẫn B1 cách nói để lừa cháu bà C1 đưa chìa khoá hay không; đồng thời các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản chiếm đoạt nêu trên.

Bị hại cháu L tại phiên tòa khẳng định chính bị cáo T là người đã lừa bị cáo để chiếm đoạt xe của bà C1 như đã khai trong quá trình điều tra. Đồng thời L cùng với bà C1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và B1 và đề nghị xử lý bị cáo H theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Về tang vật: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô Vision biển số: 65F1 – 699.57 cho bà Nguyễn Thị C1.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị C1 đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát số 65F1 – 699.57 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, không bổ sung gì thêm; đồng thời phát biểu quan điểm luận tội, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó đề nghị: tuyên bố các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Trần Nguyên B1 và Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*.”.

Về trách nhiệm hình sự: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị Cẩm H; khoản 1 Điều 174; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Nguyên B1; khoản 1 Điều 174; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T. Xử phạt: Bị cáo H mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Bị cáo B1 mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Bị cáo T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị C1 đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát số 65F1 – 699.57, không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung ngân sách 01 (một) xe mô tô, biển số: 83F3 – 7973 T sử dụng làm phương tiện cùng B1 thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc ô vuông màu xanh lá cây – xám và 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có kết thu giữ của B1 do không có giá trị sử dụng và bị cáo không có nhu cầu nhận lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô Vision biển số: 65F1 – 699.57 cho bà Nguyễn Thị C1 xong, bà C1 không yêu cầu gì thêm về Dân sự nên không đề cập giải quyết.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo H, T, B1 đã ăn năn, hối cải về hành vi đã phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như người làm chứng vắng mặt. Xét, trong điều tra đã thu thập được lời khai của những người vắng mặt, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lại lời khai tại Tòa. Do đó, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Trong điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo H, T, B1 đã thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo là phù hợp nhau và phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra như: các biên bản ghi lời khai của bị hại, biên bản thu giữ và xử lý vật chứng, biên bản định giá tài sản... Như vậy, có cơ sở xác định Vào ngày 16/10/2022, Lê Thị Cẩm H có hành vi chỉ dẫn cho Trần Nguyên B1 và Nguyễn Hoàng T dùng thủ đoạn gian dối để lừa bị hại Đỗ Hữu L nhằm mục đích chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát số 65F1 – 699.57 của bà Nguyễn Thị C1 trị giá 30.000.000 đồng. Hành vi sai trái mà Lê Thị Cẩm H, Trần Nguyên B1 và Nguyễn Hoàng T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Tội phạm mà các bị cáo gây ra không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần được xử lý nghiêm để giáo dục đối với cá nhân vi phạm và răn đe phòng ngừa chung. Quá trình thực hiện tội phạm tuy các bị cáo có sự bàn tính cách thức chiếm đoạt tài sản nhưng không có sự tổ chức phân công nhiệm vụ chặt chẽ nên theo Điều 17 Bộ luật hình sự được xem là đồng phạm giản đơn. Khi lượng hình Hội đồng xét xử có cân nhắc vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[4.1] Xét, bị cáo Trần Nguyên B1 là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, hoàn toàn nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo là người có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động chân chính để tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, chỉ vì lòng tham mong muốn có nhiều tiền tiêu xài một cách

nhANH chóng mà không phải bỏ ra công sức lao động chính đáng, nên khi nghe bị cáo H nói biết gia đình bà C1 có tài sản nhưng chỉ có cháu bà chúc là L ở nhà bị cáo đã nảy sinh ý định lên kế hoạch rủ T cùng thực hiện và chính bị cáo là người chỉ cho T cách dùng thủ đoạn gian dối nói với cháu L là bà ngoại cháu kêu chú lấy xe để mua đồ ăn cho L làm cho L tin tưởng giao chìa khóa xe cho T nhằm chiếm đoạt tài sản để bị cáo bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật. Hành vi mà bị cáo thực hiện thể hiện sự xem thường pháp luật, cần phải dành cho bị cáo mức hình phạt nghiêm để bị cáo có đủ thời gian sửa chữa sai phạm của chính mình từ đó có ý thức tôn trọng, chấp hành pháp tốt Pháp Luật tốt hơn.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T với vai trò là người giúp sức và thực hành, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của một đứa trẻ nên đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói dối “bà ngoại cháu kêu đưa chìa khóa xe cho chú” để lừa cháu L làm cho L tin tưởng giao chìa khóa xe cho bị cáo. Là bạn của B1, khi nghe B1 rủ và chỉ cách dùng thủ đoạn gian dối lừa cháu L để chiếm đoạt xe lẽ ra bị cáo phải biết khuyên ngăn T không được thực hiện hành vi phạm tội để góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm, ở đây bị cáo lại đồng tình và giúp sức tích cực cho B1 thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng để giáo dục bị cáo thành công dân có ích.

[4.3] Về phía bị cáo Lê Thị Cẩm H có hành vi chỉ dẫn cho B1 và T biết việc nhà bà C1 có xe và bà C1 thường xuyên không có mặt ở nhà, chỉ có cháu L trông coi; đồng thời bị cáo còn dẫn B1 đến nhà bà C1 và chỉ chỗ để xe cho B1. Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa có lúc bị cáo không thừa nhận có chỉ cho B1 cách nói để lừa L đưa chìa Khóa xe, có lúc lại cho rằng không nhớ có nói hay không. Tuy nhiên, xét bối cảnh và thời gian phạm tội được thực hiện vào ban ngày và bị cáo H biết rõ thời điểm phạm tội bà C1 không có mặt ở nhà, chỉ có cháu L trông coi nên lời khai của B1 cho rằng bị cáo H có nói cho B1 biết cách thức đánh lừa cháu L để chiếm đoạt được tài sản là có căn cứ. Từ đó, cho thấy bị cáo cũng giúp sức tích cực cho B1 và T trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cũng cần dành cho bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sau này.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị cáo B1 có 01 tiền án đã xóa án tích và 01 tiền sự chưa được xóa; Bị cáo H có 01 tiền án đã được xóa án tích;

[6] Về tình tiết tăng nặng: không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét, trong điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo T và B1 đã khắc phục hậu quả bằng cách mang xe trả lại cho bị hại xong là tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại và người giám hộ

xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và B1 nên hai bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: nhận thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Nguyên B1;

- Khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T;

- Khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị Cẩm H;

- Khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

* *Tuyên bố:* Các bị cáo Lê Thị Cẩm H, Trần Nguyên B1 và Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- *Xử phạt:* Bị cáo Trần Nguyên B1 mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Bị cáo Nguyễn Hoàng T mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Bị cáo Lê Thị Cẩm H mức án 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo B1 tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 13 tháng 8 năm 2023; đối với bị cáo T tính từ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và đối với bị cáo H tính từ ngày 06 tháng 5 năm 2023.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo.

* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung ngân sách 01 (một) xe mô tô, biển số: 83F3 – 7973 thu giữ của T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc ô vuông màu xanh lá cây – xám và 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có kết thu giữ của B1.

* *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thị Cẩm H; Trần Nguyên B1, Nguyễn Hoàng T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tại Chi Cục Thi hành án Dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

** Về quyền kháng cáo:* Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

** Về quyền, nghĩa vụ và thời hạn thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Công an quận Thốt Nốt;
- Cơ quan THA quậnThốt Nốt;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mộng Tuyền